

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2019

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình về ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Minh;

2. Ông Hồ Huy Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 866/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị G, sinh năm: 1978; Địa chỉ: ấp 4, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn L, sinh năm: 1976; Địa chỉ: ấp 4, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; **vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2018 và qua các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn-chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị và anh Lê Văn L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2012, quyển số 01/2011, ngày 20-6-2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến tháng 6 năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh thường xuyên nhậu say, đánh chị khi vợ chồng không hòa thuận. Khoảng tháng 10 năm

2018, vợ chồng đã ly thân, chị **bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống** cho đến nay, anh không quan tâm vợ, không chăm lo cuộc sống gia đình. Vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể kéo dài và cần phải ly hôn để tạo điều kiện cho cả hai bắt đầu cuộc sống mới. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vào ngày 11-01-2019, chị G có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản hòa giải ngày 25 tháng 12 năm 2018, bị đơn – anh Lê Văn L trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị G về hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Riêng về nguyên nhân dẫn đến việc chị yêu cầu ly hôn, anh cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Anh thừa nhận có uống rượu, có đánh chị. Nay trước yêu cầu ly hôn của chị, anh không đồng ý vì còn thương vợ.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đối với quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Ngày 11-01-2019, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị G có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn là anh Lê Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, **Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm và không thông báo lý do vắng mặt cho Tòa án biết. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.**

[2] Về hôn nhân: Chị G và anh L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2012, quyển số 01/2011, ngày 20-6-2012. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với các lời khai của người làm chứng thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến tháng 6 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay, **chị G bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống.** Anh L thường xuyên **say xỉn**, đánh chị, không quan tâm vợ và không chăm lo cuộc sống gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị G và anh L đã

đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn đối với anh L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết .

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, **Khoản 2 Điều 227**, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị G đối với anh Lê Văn L. Chị G được ly hôn với anh L.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 73/2012, ngày 20-6-2012, giữa chị Nguyễn Thị G và anh Lê Văn L do Ủy ban nhân dân xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây cấp ngày 20-6-2012, không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008483 ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Chị G đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã An Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thùy Trang